**Trường:THCS Giao Tân**

**Tổ: KHTN**

**Kiểm tra cuối học kì II**

**Sách cánh diều**

**Thời gian: 60 phút**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

***a. Nhận thức khoa học tự nhiên.***

- Trình bày được đặc điểm điển hình của các nhóm thực vật quan sát.

- Xác định được nhóm phân loại của các mẫu vật quan sát.

- Phân biệt được 2 nhóm động vật không xương sống và có xương sống. Lấy được ví dụ minh họa.

- Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh, hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng ( Ruột Khoang, Giun, Thân mềm, Chân khớp). Gọi được tên một số con vật điển hình.

- Thực hành quan sát (hoặc chụp ảnh) và kể tên được một số động vật không xương sống ngoài thiên nhiên.

- Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống. Lấy ví dụ

- Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). Gọi được tên một số con vật điển hình.

- Nêu được một số tác hại của động vật có xương sống trong đời sống và cho ví dụ minh họa.

- Nhận biết và gọi tên được các sinh vật sống trong tự nhiên.

- Nhận biết được vai trò của sinh vật trong thế giới tự nhiên.

- So sánh và phân loại được các sinh vật theo khóa lưỡng phân.

- Đo được lực bằng lực kế lò xo Đơn vị là niutơn(không yêu cầu giải thích nguyên lí do)

- Nêu được lực tiếp xúc xuất hiện khi vật gây ra lực có sự tiếp xúc với vật chịu tác dụng của lực, lấy được ví dụ về lực tiếp xúc

- Phân biệt được lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc.

- Lấy được ví dụ về sự xuất hiện lực ma sát, lực cản của nước.

- Nhớ lại được các kiến thức về khối lượng, trọng lượng, lực hấp dẫn đã được học hoặc qua sách, báo.

- Biết được được trọng lượng là độ lớn của lực hút Trái đất lên vật trên Trái đất.

- Phát biểu được các khái niệm khối lượng, trọng lượng và lực hấp dẫn.

- Nêu được đơn vị đo trọng lượng và dụng cụ đo trọng lượng của vật, công thức liên hệ giữa trọng lượng và khối lượng.

- Trình bày được các bước thực hiện được thí nghiệm chứng minh được độ giãn của lò xo treo thẳng đứng tỉ lệ với khối lượng của vật treo.

- Nhận ra được độ giãn của lò xo treo thẳng đứng tỉ lệ với khối lượng của vật treo.

- Nhớ lại được các kiến thức về khối lượng, trọng lượng, lực hấp dẫn đã được học hoặc qua sách, báo.

- Biết được được trọng lượng là độ lớn của lực hút Trái đất lên vật trên Trái đất.

- Phát biểu được các khái niệm khối lượng, trọng lượng và lực hấp dẫn.

- Nêu được đơn vị đo trọng lượng và dụng cụ đo trọng lượng của vật, công thức liên hệ giữa trọng lượng và khối lượng.

- Trình bày được các bước thực hiện được thí nghiệm chứng minh được độ giãn của lò xo treo thẳng đứng tỉ lệ với khối lượng của vật treo.

Nhận ra được độ giãn của lò xo treo thẳng đứng tỉ lệ với khối lượng của vật treo.

-Lấy được ví dụ chứng tỏ được năng lượng có thể chuyển từ dạng này sang dạng khác, từ vật này sang vật khác.

-Nêu được năng lượng hao phí luôn xuất hiện khi có sự chuyển hóa năng lượng.

-Nêu được định luật bảo toàn năng lượng và lấy được ví dụ minh họa chứng minh được năng lượng được bảo toàn khi có sự chuyển hóa năng lượng.

-Đề xuất được biện pháp để tiết kiệm năng lượng trong các hoạt động hằng ngày.

***b.Tìm hiểu tự nhiên***

- Sử dụng được một số dụng cụ, thiết bị cơ bản để Thực hiện được các bước quan sát và tiến hành thực hành phân loại.

- Phân biệt được các nhóm thực vật trong cuộc sống,hiểu được các ứng dụng các nhóm thực vật ứng dụng trong cuộc sống của bản thân.

- Nêu được một số lợi ích và tác hại của động vật không xương sống trongđời sống.

- Lấy được ví dụ chứng tỏ lực là sự đẩy hoặc sự kéo

- Lấy được vd về tác dụng của lực làm thay đổi tốc độ, thay đổi hướng chuyển động, biến dạng vật.

- Rút ra được nhận xét về tác dụng của lực ma sát trong giao thông đường bộ.

- Xem phim để nhận ra được lực hấp dẫn là lực giữa các vật có khối lượng, lực hấp dẫn của Trái đất lên các vật trên Trái đất là trọng lực.

- Quan sát tranh ảnh, trả lời các câu hỏi để nhận ra khối lượng là lượng chất chứa trong vật.

- Thực hiện được thí nghiệm chứng minh được độ giãn của lò xo treo thẳng đứng tỉ lệ với khối lượng của vật treo.

- Xem phim để nhận ra được lực hấp dẫn là lực giữa các vật có khối lượng, lực hấp dẫn của Trái đất lên các vật trên Trái đất là trọng lực.

- Quan sát tranh ảnh, trả lời các câu hỏi để nhận ra khối lượng là lượng chất chứa trong vật.

- Thực hiện được thí nghiệm chứng minh được độ giãn của lò xo treo thẳng đứng tỉ lệ với khối lượng của vật treo.

- Từ tranh ảnh (hình vẽ, hoặc học liệu điện tử) hiện tượng trong khoa học hoặc thực tế, lấy được ví dụ để chứng tỏ năng lượng đặc trưng cho khả năng tác dụng lực.

- Xác định được dạng năng lượng mà vật đang có.

***c.Vận dụng kiến thức, kỹ năng***

- Biểu diễn được một lực bằng mũi tên có điểm đặt tại vật chụi tác dụng lực,có độ dài và theo hướng kéo hoặc đẩy

- Quan sát (hoặc chụp ảnh) được một số động vật có xương sống ngoài thiên nhiên và gọi tên được một số con vật điển hình.

Quan sát thế giới, chỉ ra được các vai trò của đa dạng sinh học đối với con người và tự nhiên và cho ví dụ.

Nghiên cứu tài liệu, tổng hợp, khái quát hóa nguyên nhân và hậu quả của việc suy giảm đa dạng sinh học.

- Đánh giá được mức độ đa dạng sinh học và đề xuất được biện pháp bảo vệ sự đa dạng snh học tại địa phương, nơi quan sát.

**-** Vận dụng kiến thức giải thích các ảnh hưởng của lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc trong đời sống.

- Nhận ra được mọi vật khi chuyển động lên cao lại rơi xuống đất là do bị Trái đất hút. Các vật không bị văng ra khỏi Trái đất là do có trọng lực.

- Nhận ra được mọi vật khi chuyển động lên cao lại rơi xuống đất là do bị Trái đất hút. Các vật không bị văng ra khỏi Trái đất là do có trọng lực.

- Vận dụng được kiến thức đã học về các dạng năng lượng và mối quan hệ giữa năng lượng và khả năng tác dụng lực để chế tạo mô hình ô tô phản lực.

-Giải quyết các các vấn đề GV nêu ra, GQ các tình huống xảy ra trong quá trình làm thí nghiệm. Sáng tạo trong việc đưa ra các biện pháp tối ưu tiết kiệm điện năng.

**2. Về phẩm chất**

**- Chăm chỉ:** Tích cực nghiên cứu tài liệu ở nhà để thực hiện nhiệm vụ cá nhân.

**- Trách nhiệm:** Có trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của giáo viên.

**- Trung thực:** Trung thực trong quá trình làm bài kiểm tra

**II. YÊU CẦU**

* 1. Giáo viên: Chuẩn bị đề kiểm tra định kì.
  2. Họcs inh: Học sinh làm bài kiểm tra trên giấy.
  3. **III. TIẾN TRÌNH**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiết** | **Hoạt động** | **Tên bài kiểm tra** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** |
| 1 | 45 phút | Kiểm tra cuối kì II | Kiểm tra viết | Bài kiểm tra (TN+ TL) |
| 2 | 15 phút/45 phút | Kiểm tra cuối kì II | Kiểm tra viết | Bài kiểm tra (TN+ TL) |
| 30 phút | Chữa bài kiểm tra |  |  |

**1.Khung ma trận**

- Thời điểm kiểm tra: Kiểm tra cuối kì II. Bao gồm:

- Thời gian làm bài: 60 phút. - Hình thức kiểm tra: Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 30% trắc nghiệm, 70% tự luận). - Cấu trúc:+ Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao. + Phần trắc nghiệm: 3,0 điểm, (gồm 12 câu hỏi: nhận biết: 8 câu, thông hiểu: 4 câu), mỗi câu 0,25 điểm; + Phần tự luận: 7,0 điểm (Nhận biết: 2,0 điểm; Thông hiểu: 2,0 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm). - Khung ma trận

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số câu TN/ số ý TL** | | **Điểm số** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** |
| *1. Đa dạng thế giới sống (48 tiết)* | 1 | **6** | 1 | **2** |  |  | 1 |  | 3 | **8** | **5,0** |
| *2. Lực trong đời sống*  *(15 tiết)* | 1 | **2** | 1 | **2** | 1 |  |  |  | 3 | **4** | **5,0** |
| **Số câu** |  | **8** |  | **4** |  |  |  |  |  |  |  |
| **Điểm số** | **2,0** | **2,0** | **2,0** | **1,0** | **2,0** |  | **1,0** |  | **7,0** | **3** | **10** |
| **Tổng số điểm** | **4,0 điểm** | | **3,0 điểm** | | **2,0 điểm** | | **1,0 điểm** | | **10 điểm** | | **10 điểm** |

**2.Bản đặc tả.**

| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số câu hỏi** | | **Câu hỏi** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TL | TN | TL | TN |
| ***1. Đa dạng thế giới sống (26 tiết)*** | | |  |  |  |  |
| -Đa dạng nguyên sinh vật.  - Đa dạng nấm.  - Đa dạng của thực vật.  - Đa dạng động vật.  - Đa dạng sinh học.  - Tìm hiểu các sinh vật ngoài thiên nhiên. | **Nhận biết** | - Nêu được một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên. |  | 1 |  | C1 |
| - Dựa vào hình thái, nêu được sự đa dạng của nguyên sinh vật. |  |  |  |  |
| - Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra. |  |  |  |  |
| - Nhận biết được một số đối tượng nguyên sinh vật thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (ví dụ: trùng roi, trùng đế giày, trùng biến hình, tảo silic, tảo lục đơn bào, ...). |  |  |  |  |
| - Nêu được một số bệnh do nấm gây ra. |  | 1 |  | C2 |
| -Nhận biết được một số đại diện nấm thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (nấm đơn bào, đa bào. Một số đại diện phổ biến: nấm đảm, nấm túi, ...). Dựa vào hình thái, trình bày được sự đa dạng của nấm. |  |  |  |  |
| - Trình bày được vai trò của nấm trong tự nhiên và trong thực tiễn (nấm được trồng làm thức ăn, dùng làm thuốc,...). |  | 1 |  | C3 |
| - Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nấm gây ra. |  |  |  |  |
| - Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên: làm thực phẩm, đồ dùng, bảo vệ môi trường (trồng và bảo vệ cây xanh trong thành phố, trồng cây gây rừng, ...). | **1** |  | Câu 1 |  |
| - Nêu được một số tác hại của động vật trong đời sống. |  |  |  |  |
| - Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Ruột khoang, Giun; Thân mềm, Chân khớp). Gọi được tên một số con vật điển hình. |  |  |  |  |
| - Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). Gọi được tên một số con vật điển hình. |  | 1 |  | C4 |
| - Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và trong thực tiễn, vai trò của động vật. (làm thuốc, làm thức ăn, chỗ ở, bảo vệ môi trường, … |  | 1 |  | C5 |
| Nhận biết được vai trò của sinh vật trong tự nhiên (Ví dụ, cây bóng mát, điều hòa khí hậu, làm sạch môi trường, làm thức ăn cho động vật, ...). |  |  |  |  |
| - Nêu được các nhóm thực vật và các nhóm động vật trong đời sống. |  | 1 |  | C6 |
| **Thông hiểu** | - Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, mẫu vật, phân biệt được các nhóm thực vật: Thực vật không có mạch (Rêu); Thực vật có mạch, không có hạt (Dương xỉ); Thực vật có mạch, có hạt (Hạt trần); Thực vật có mạch, có hạt, có hoa (Hạt kín). |  | **1** |  | C9 |
| - Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống. Lấy được ví dụ minh hoạ |  | 1 |  | C10 |
| - Sử dụng được khoá lưỡng phân để phân loại một số nhóm sinh vật. |  |  |  |  |
| - Quan sát và phân biệt được một số nhóm thực vật ngoài thiên nhiên. | **1** |  | Câu 3 |  |
| **Vận dụng** | - Thực hành quan sát và vẽ được hình nguyên sinh vật dưới kính lúp hoặc kính hiển vi. |  |  |  |  |
| - Thông qua thực hành, quan sát và vẽ được hình nấm (quan sát bằng mắt thường hoặc kính lúp). |  |  |  |  |
| - Quan sát hình ảnh, mẫu vật thực vật và phân chia được thành các nhóm thực vật theo các tiêu chí phân loại đã học. |  |  |  |  |
| - Thực hành quan sát (hoặc chụp ảnh) và kể được tên một số động vật quan sát được ngoài thiên nhiên. |  |  |  |  |
| - Giải thích được vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học. |  |  |  |  |
| - Thực hiện được một số phương pháp tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên: quan sát bằng mắt thường, kính lúp, ống nhòm; ghi chép, đo đếm, nhận xét và rút ra kết luận. |  |  |  |  |
| - Chụp ảnh và làm được bộ sưu tập ảnh về các nhóm sinh vật (thực vật, động vật có xương sống, động vật không xương sống). |  |  |  |  |
| - Làm và trình bày được báo cáo đơn giản về kết quả tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | - Vận dụng được hiểu biết về nấm vào giải thích một số hiện tượng trong đời sống như kĩ thuật trồng nấm, nấm ăn được, nấm độc, ... | 1 |  | Câu 6 |  |
| ***Lực trong đời sống (7 tiết)*** | | |  |  |  |  |
| – Lực và tác dụng của lực  – Lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc  – Lực ma sát  – Lực hấp dẫn | **Nhận biết** | - Lấy được ví dụ để chứng tỏ lực là sự đẩy hoặc sự kéo. |  |  |  |  |
| - Nêu được đơn vị lực đo lực. |  |  |  |  |
| - Nhận biết được dụng cụ đo lực là lực kế. |  | 1 |  | C7 |
| - Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi tốc độ. |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi hướng chuyển động. |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làmbiến dạng vật. |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ về lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc. |  | 1 |  | C8 |
| - Nêu được lực không tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực. |  |  |  |  |
| - Nêu được lực không tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực; lấy được ví dụ về lực không tiếp xúc. |  |  |  |  |
| * Nêu được khái niệm về lực ma sát trượt; khái niệm về lực ma sátnghỉ. * Nêu được lực ma sát là lực tiếp xúc xuất hiện ở bề mặt tiếp xúc giữa hai vật. * Lấy được ví dụ về sự xuất hiện của lực ma sátnghỉ. * Lấy được ví dụ về sự xuất hiện của lực ma sáttrượt. * Nêu được tác dụng cản trở và tác dụng thúc đẩy chuyển động của lực ma sát.   Sử dụng tranh, ảnh (hình vẽ, học liệu điện tử) để nêu được: Sự tương tác giữa bề mặt của hai vật tạo ra lực ma sát giữachúng | **1** |  | Câu 2 |  |
| **Thông hiểu** | - Biểu diễn được một lực bằng một mũi tên có điểm đặt tại vật chịu tác dụng lực, có độ lớn và theo hướng của sự kéo hoặc đẩy. | 1 |  | Câu 4 |  |
| - Chỉ ra được lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc. |  |  |  |  |
| * Độ giãn của lò xo treo thẳng đứng tỉ lệ với khối lượng củ vật treo   - Nêu được các khái niệm: khối lượng (số đo lượng chất của một vật), lực hấp dẫn (lực hút giữa các vật có khối lượng), trọng lượng của vật (độ lớn lực hút của Trái Đất tác dụng lên vật). |  | 1 |  | C 12 |
| **Vận dụng** | - Biểu diễn được lực tác dụng lên 1 vật trong thực tế và chỉ ra tác dụng của lực trong trường hợp đó. |  |  |  |  |
| – Đo được lực bằng lực kế lò xo, đơn vị là niu tơn (Newton, kí hiệu N) (không yêu cầu giải thích nguyên lí đo). |  |  |  |  |
|  | **-** Lấy được ví dụ về một số ảnh hưởng của lực ma sát trong an toàn giao thông đường bộ. | 1 |  | Câu 5 |  |

**3. Đề kiểm tra**

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ 2 NĂM HỌC**

**MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 6**

*Thời gian làm bài: 60 phút (không kể thời gian giao đề)*

**A.TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)**

**Câu 1.** Bệnh nào sau đây do nguyên sinh vật gây nên?

**A.** Sốt rét. **B.** Chân tay miệng. **C.** Sởi. **D.** Viêm phổi.

**Câu 2**. Ở người, bệnh nào dưới đây do nấm gây ra **?**

**A.** Tay chân miệng **B**. Á sừng **C**. Bạch tạng **D**. Lang ben

**Câu 3.** Loại nấm nào sau đây được dùng làm thuốc?

**A**. Nấm đùi gà **B**. Nấm kim châm

**C**. Nấm thông **D**. Đông trùng hạ thảo

**Câu 4.** Cá heo trong hình bên là đại diện của nhóm động vật nào sau đây?



**A**. Cá.                    **B**. Thú.                  **C.** Lưỡng cư.                   **D**. Bò sát.

**Câu 5**. Vai trò của đa dạng sinh học là

**A.** Cung cấp lương thực, thực phẩm.

**B.** Ảnh hưởng đến khí hậu.

**C.** Suy giảm đa dạng sinh học.

**D.** Ô nhiễm không khí.

**Câu 6.** Thực vật được chia thành các ngành nào?

**A.** Nấm, Rêu, Tảo và Hạt kín.

**B**. Rêu, Dương xỉ, Hạt trần, Hạt kín.

**C.** Hạt kín, Quyết, Hạt trần, Nấm.

**D.** Nấm, Dương xỉ, Rêu, Quyết.

**Câu 7**. Dụng cụ dùng để đo lực là

**A**. Cân. **B**. Đồng hồ.

**C**. Thước dây. **D**. Lực kế**.**

**Câu 8.**Trong các trường hợp sau đây, trường hợp nào xuất hiện lực **không** tiếp xúc?

**A.** Em bé đẩy cho chiếc xe đồ chơi rơi xuống đất.

**B**. Lực của tay giương cung.

**C**. Cầu thủ đá quả bóng bay vào gôn.

**D**. Quả táo rơi từ trên cây xuống.

**Câu 9:** Nhóm thực vật có mạch dẫn, có hạt, không có hoa là

**A**. Rêu**. B**. Dương xỉ. **C.** Hạt trần. **D**. Hạt kín.

**Câu 10.** Đặc điểm để phân biệt động vật có xương sống với động vật không xương sống là

**A**. Số loài đông. **B**. Có xương cột sống chứa tủy sống

**C**. Có bộ lông dày, rậm.  **D.** Đẻ nhiều trứng

**Câu 11.** Trong các trường hợp sau đây, trường hợp nào xuất hiện lực tiếp xúc?

**A.** Cầu thủ sút bóng

**B.** Hai thanh nam châm hút nhau.

**C.** Hai thanh nam châm đẩy nhau.

**D.** Mặt Trăng quay quanh Trái Đất.

**Câu 12**: Trên vỏ hộp sữa có ghi: “khối lượng tịnh 900 g”, số đó cho biết ?

**A**. Thể tích của hộp sữa

**B**.Khối lượng của lượng sữa chứa trong hộp

**C**. Trọng lượng của lượng sữa chứa trong hộp

**D**. Khối lượng của hộp sữa

**B. PHẦN TỰ LUẬN (7,0 ĐIỂM)**

**Câu 1( 1 điểm).** Hãy nêu vai trò của thực vật đối với đời sống tự nhiên

**Câu 2( 1 điểm).** a) Lấy ví dụ vể tác dụng của lực làm thay đổi tốc độ

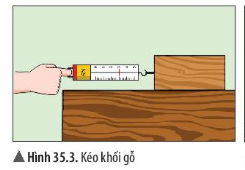
b. Lấy ví dụ vể tác dụng của lực làm biến dạng vật

**Câu 3( 1 điểm)**: Sắp xếp các thực vật sau vào các nhóm thực vật đã học: rau bợ, bèo vảy ốc, rêu, bách tán, tùng, thông, dương xỉ, pơ mu, kim giao, bạch đàn, bèo tấm, ngô, bao báp.

***Câu 4 : (1,0 điểm)***

a. Độ lớn lực kéo khối gỗ ở hình 35.3 là 3N.

b. Hãy biểu diễn lực đó trên hình vẽ

**

**Câu 5 *( 2 điểm):*** Tìm 1 ví dụ có lợi và 1 ví dụ có hại trong cuộc sống xung quanh em đối với:

a) Lực ma sát nghỉ.

b) Lực ma sát trượt

**Câu 6( 1đ).** Có ý kiến cho rằng: “ Môi trường trồng nấm rơm tốt nhất là gần nơi chăn nuôi gia súc, gia cầm”. Theo em ý kiến đó đúng hay sai? Giải thích.

**4. Hướng dẫn chấm và biểu điểm.**

**A.TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm):** Mỗi câu chọn đáp án đúng được 0,25 điểm.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| Đ/A | A | D | D | B | A | B | D | D | C | B | A | B |

**B. Tự luận: (7,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1**  **(1,0điểm)** | * Điều hòa khí hậu * Thực vật góp phần làm giảm ô nhiễm không khí * Thực vật góp phần chống xói mòn đất và bảo vệ nguồn nước * Thực vật cung cấp thức ăn, nơi ở cho động vật | 0,25 điểm  0,25 điểm  0,25 điểm  0,25 điểm |
| **Câu 2**  **(1,0điểm)** | a. Lấy ví dụ vể tác dụng của lực làm thay đổi tốc độ  b. Lấy ví dụ vể tác dụng của lực làm biến dạng vật | 0,5 điểm  0,5 điểm |
| **Câu 3**  **(1,0 điểm)** | + Rêu : rêu.  + Dương xỉ: rau bợ, dương xỉ, bèo vảy ốc.  + Hạt trần : tùng, bách tán, thông.  + Hạt kín: pơ mu, kim giao, bạch đàn, bèo tấm, | Mỗi ý đúng 0,25 điểm |
| **Câu 4**  **(1điểm)** | a.Độ lớn lực kéo khối gỗ 3N.  b.Quy ước mỗi cm chiều dài mũi tên biểu diễn tương ứng với độ lớn là 1N, ta có hình biểu diễn dưới:  **https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/screenshot_18_84.png?itok=UKR28fc0** | 0,5 điểm  0,5 điểm |
| **Câu 5**  **(2,0 điểm)** | a. Tìm được ví dụ đúng  - có lợi  - có hại  b) Tìm được ví dụ đúng  - có lợi ,  - có hại | 0,5 điểm  0,5điểm  0,5 điểm  0,5điểm |
| **Câu 6**  **(1,0 điểm)** | Ý kiến này sai. Vì:  -Nơi trồng nấm phải là nơi thoáng mát và sạch sẽ.  -Nghĩa là phải xa nơi gần chuồng trại chăn nuôi gia  súc, gia cầm( lợn, gà, vịt...) bởi những nơi này thường bẩn, không thich hợp với điều kiện sống của nấm rơm | 0,5 điểm  0,5điểm |
|  | . |  |

**5. Phụ lục (nếu có)**

**6. Nhận xét;**

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

https://www.vnteach.com